



Cuulong SeaPro
cares your taste

CUULONG SEAPRODUCTS COMPANY



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

Trà vinh ,tháng 04 năm 2012





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên TTCK)

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CP THỦY SẢN CỬU LONG

Địa chỉ: 36 Bạch Đằng Phường 4, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Giấy Đăng ký kinh doanh số 2100307704 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 22/05/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2010.

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập và quá trình phát triển.

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long tiền thân là Công ty Hải sản Tỉnh Cửu Long. Qua vài lần thay đổi tên gọi như Công ty Thu mua- Chế biến- Xuất khẩu Cửu Long, Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy sản Cửu Long, đến năm 1992, được chuyển thành Công ty Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh theo quyết định số 423/QĐ-UBT ngày 22/10/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Khi đó Công ty có 1 phân xưởng chế biến thủy hải sản với năng lực sản xuất 1.500 tấn sản phẩm/năm.

Năm 2000, Công ty đã xây dựng mới và đưa vào hoạt động phân xưởng chế biến II (EU code DL31). Từ đó, năng lực sản xuất của Công ty đã được nâng lên 4.000 tấn sản phẩm/năm. Công ty đã chế biến được các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng, tạo bước ngoặt trong việc thực hiện chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu.

Tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh, năm 2003 Công ty đã xây dựng và đưa vào hoạt động kho trữ đông 300 tấn, đồng thời cải tạo nhà xưởng và nâng cấp máy móc thiết bị của phân xưởng chế biến I. Năng lực sản xuất của Công ty tăng lên 6.000 tấn sản phẩm/năm. Từ đây, nhà xưởng sản xuất và hệ thống máy móc thiết bị đã được hoàn thiện nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và tạo bước phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Công ty cũng đã xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng các yêu cầu thực phẩm quốc tế như HACCP, GMP, BRC (Global Standard for Food Safety), ISO 9001:2000.





Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tháng 07/2003 Công ty Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh đã tiến hành cổ phần hóa. Đầu năm 2005 Công ty đã hoàn tất quá trình cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long chính thức hoạt động từ ngày 15/03/2005.

Năm 2007 Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng kho trữ đông công suất 1.000 tấn, nâng tổng công suất trữ đông lên 1.500 tấn. Hệ thống kho trữ đông luôn bảo đảm chất lượng thành phẩm theo đúng tiêu chuẩn quản lý chất lượng.

Năm 2008 Công ty đã xây dựng mới và đưa vào hoạt động phân xưởng chế biến III, chuyên chế biến các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng. Năm 2011 đầu tư nâng cấp sửa chữa nhà xưởng bổ sung máy móc thiết bị phân xưởng I. Năng lực sản xuất của Công ty tăng lên 10.000 tấn sản phẩm/năm.

Đầu năm 2009 Công ty đã nâng cấp phòng thí nghiệm và được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 (Mã số: VILAS 365), đồng thời nâng cấp phiên bản ISO 9001:2000 lên ISO 9001:2008.

Nhà máy chế biến thủy sản của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long đặt tại tỉnh Trà Vinh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Nằm ở hạ lưu, giữa sông Tiền và sông Hậu, với hơn 65 km bờ biển tiếp giáp với Biển Đông, tỉnh Trà Vinh là nơi cung cấp dồi dào nguồn thủy sản, đặc biệt là tôm sú nuôi với diện tích nuôi khoảng 25.000 ha mặt nước và sản lượng thu hoạch đạt hơn 20.000 tấn.

Do nằm tại vùng nguyên liệu và mua trực tiếp từ các hộ nuôi tôm nên chất lượng nguyên liệu luôn tươi sạch, dễ dàng truy xuất nguồn gốc, đây là một ưu thế lớn của Công ty trong việc sản xuất hàng có giá trị cao và phù hợp với xu thế chung của các nhà nhập khẩu lớn đòi hỏi phải truy xuất được nguồn gốc hàng hóa. Với vị trí địa lý nằm cạnh trục giao thông đường bộ và đường thủy và cách vùng nguyên liệu chưa đến 30 km, Cuulong Seapro rất thuận lợi trong việc vận chuyển nguyên liệu để chế biến cũng như thành phẩm để tiêu thụ.

Với kinh nghiệm có được qua hơn 20 năm hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy sản, Cuulong Seapro đã đáp ứng được yêu cầu và tạo được lòng tin nơi khách hàng tại các thị trường lớn như Nhật Bản, Bắc Mỹ, EU,...





+ Ngành nghề kinh doanh:

- Thu mua, nuôi trồng và chế biến thủy sản, nông súc sản đông lạnh;
 - Sản xuất và kinh doanh các loại giống thủy sản, nông súc sản
 - Kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy hải sản;
 - Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị, hóa chất, phụ gia và thức ăn tôm cá phục vụ nuôi trồng, chế biến hàng xuất khẩu và tiêu thụ trong nước;
 - Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tải và kho bãi, dịch vụ kiểm nghiệm và các dịch vụ khác;
- Sản phẩm chính của Công ty: tôm tươi, hấp đông lạnh, và các sản phẩm giá trị gia tăng và các sản phẩm thủy sản đông lạnh khác.

2. Định hướng phát triển của Công ty

Sứ mệnh	Cuulong Seapro là nhà cung cấp chuyên nghiệp các mặt hàng thủy sản cho cộng đồng
Tầm nhìn	Cuulong Seapro là chỗ dựa vững chắc cho cán bộ nhân viên
Các giá trị	<ul style="list-style-type: none"> - Mọi người đều thấu hiểu và làm việc cùng nhau - Mọi người đều xứng đáng được tôn trọng

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng thành công thương hiệu CuuLong Seapro trên thị trường xuất khẩu,
- Tập trung vào ngành nghề SX chính : sản xuất chế biến tôm xuất khẩu.

+ Chiến lược phát triển.

- Đầu tư mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh
- Giữ vững danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín và cố gắng đưa vị thế của Cuulong Seapro lên Top 10 của các nhà chế biến tôm và xuất khẩu tại Việt Nam.
- Xây dựng hệ thống bán lẻ trong nước cho các sản phẩm Tôm cuộn Khoai tây, Tôm tẩm bột, Cá Tra Fillet/cát khúc... bằng việc đưa hàng vào mạng lưới siêu thị trên toàn quốc. Dự kiến đến năm 2015, doanh số bán lẻ tại thị trường trong nước chiếm 10% trên tổng doanh thu của Công ty.





II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2011.

Báo cáo riêng công ty mẹ	Thực hiện		Thực hiện năm 2011 so với năm 2010	Thực hiện năm 2011 so với Kế hoạch năm 2011
	2011	2010		
Tài sản ngắn hạn	374,864,607,039	203,314,551,368	184.38%	
Tài sản dài hạn	108,686,505,869	103,230,274,615	105.29%	
Doanh thu thuần	1,152,968,984,306	982,113,044,678	117.40%	97.33%
Lợi nhuận trước thuế	24,618,814,055	26,166,879,254	94.08%	75.98%
Lợi nhuận sau thuế	23,183,145,283	23,545,146,332	98.46%	89.44%
Lãi cơ bản/CP	2,898	4,662	62.16%	

Báo cáo hợp nhất	Thực hiện		Thực hiện năm 2011 so với năm 2010	Thực hiện năm 2011 so với Kế hoạch năm 2011
	2011	2010		
Tài sản ngắn hạn	491,791,110,980	288,526,865,924	170.45%	
Tài sản dài hạn	115,294,892,447	112,644,044,458	102.35%	
Doanh thu thuần	1,349,923,907,082	1,203,615,108,862	112.16%	93.29%
Lợi nhuận trước thuế	25,724,555,660	34,079,478,322	75.48%	64.34%
Lợi nhuận sau thuế	23,484,877,289	30,211,766,094	77.73%	71.72%
Lãi cơ bản/CP	2,936	5,982	49.08%	

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...).

- Trong năm 2011 HĐQT quyết định thành lập Công ty con: Công ty TNHH MTV Mỹ Long Nam với điều lệ 2 tỷ đồng đầu tư 100% vốn chuyên về thu mua nguyên liệu nhằm thu mua tối đa nguồn nguyên liệu của tỉnh đồng thời để nắm bắt giá cả kịp thời phục vụ tốt cho công tác thu mua và sản xuất.
- Ngoài ra trong năm 2011 HĐQT Công ty đã quyết định chuyển nhượng toàn bộ giá trị tài sản vùng nuôi cá tra tại Ấp Đại Đức, Xã Đức Mỹ, Huyện Càng Long với tổng diện tích 14.626 m² do kinh doanh không hiệu quả. Ngay từ khi bắt đầu thực hiện dự án, định hướng phát triển của Công ty phát triển thêm mặt hàng cá tra cá basa xuất khẩu và chiến lược kinh doanh của công ty xây dựng nhà máy chế biến cá tra theo mô





hình khép kín. Tuy nhiên do Công ty chúng ta không chuyên sâu về nuôi trồng, nhân viên chưa có kinh nghiệm nên việc nuôi cá tra tại xã Đức Mỹ, H. Càng Long không thuận lợi và không đạt được kết quả như kế hoạch đã đề ra. Vùng nuôi không đem lại hiệu quả trong khi vốn lưu động cần cho vùng nuôi chủ yếu là vốn vay ngân hàng, bên cạnh đó lãi vay Ngân hàng có lúc lên đến 18%/năm và rất khó khăn cho việc vay vốn. Giá trị chuyển nhượng thu được 18.500.000.000 đồng và giá vốn là 15.637.639.575 đồng, khoản lợi nhuận thu được từ chuyển nhượng là 2.862.360.425 đồng.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

3.1/ Mục tiêu : Công ty từng bước xây dựng thành công thương hiệu Cuulong Seapro Trên thị trường trong và ngoài nước. Năm 2012 duy trì giữ vững khách hàng truyền thống , mở rộng và tìm kiếm thêm khách hàng mới, thị trường mới góp phần tăng kim ngạch và mở rộng thị trường.

3.2/ Kế hoạch trong tương lai

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm của năm 2012 như sau:

- Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,
- Luân chuyển, sắp xếp lại thiết bị và tổ chức dây chuyền sản xuất một cách tối ưu,
- Chăm lo người lao động: tạo điều kiện tốt hơn cho người lao động về điều kiện sản xuất, bảo đảm công ăn việc làm, bảo đảm đầy đủ các chính sách chế độ BHXH, BHYT, BH tai nạn,...
- Công tác thị trường: giữ vững thị trường trong và ngoài nước củng cố giữ vững khách hàng truyền thống, tìm kiếm phát triển thị trường mới tiềm năng.
- Xây dựng thành công hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ACC (Aqua Culture Certificate).
- Cơ cấu thị trường:

+ Thị trường Mỹ + Canada: Doanh số đạt khoảng 30% kim ngạch xuất khẩu . Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường này với các mặt hàng tôm sú HLSO, PDTO, PD tươi và hấp.

+ Thị trường EU: doanh số đạt 24% kim ngạch xuất khẩu với các sản phẩm Tôm sú HOSO, HLSO, PDTO/PD tươi – hấp – chần, Tôm cá cuộn khoai tây, Tôm tằm bột, Tôm vanamei HLSO/PDTO/PD tươi- hấp- chần.

+ Thị trường Nhật: Doanh số đạt khoảng 27% kim ngạch xuất khẩu với các sản phẩm tôm sú Nobashi, tôm sú HOSO, HLSO, PD, Tôm thẻ Vannamei Nobashi, PD.

+ Nhóm thị trường khác: Thị trường này bao gồm các thị trường hiện tại của Công ty như: Singapore, Hàn quốc, New Zealand, Australia, trung Đông..... Đây cũng là thị trường rất tiềm năng của Công ty, tiêu chuẩn chất lượng không quá khắt khe, nhưng mặt hàng yêu cầu rất đa dạng và phong phú. Dự kiến doanh số đạt 19% kim ngạch xuất khẩu mặt





hàng chủ yếu: Tôm sú HOSO, HLSO, PDTO/PD tươi – hấp – chân, Tôm cá cuộn khoai tây, Tôm tằm bột, Tôm vanamei HLSO/PDTO/PD tươi- hấp- chân, Tôm sắt PD chân/hấp.

3.3/ Kế hoạch kinh doanh 2012

Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ:

- Sản xuất: 6.250 tấn
- Kim ngạch: 61.000.000 usd
- Lợi nhuận trước thuế: 30.000.000.000 đồng

Kế hoạch kinh doanh hợp nhất:

- Sản xuất: 8.000 tấn
- Kim ngạch: 76.760.000. usd
- Lợi nhuận trước thuế: 35.000.000.000 đồng

Kế hoạch đầu tư phát triển

- Đầu tư mua Xí nghiệp chế biến thủy sản Duyên Hải tọa lạc tại Láng Chim, Duyên Hải, Trà Vinh nhà máy thành lập với công suất 2.850 tấn thành phẩm/năm.

Năm 2012 được dự báo là một năm tiếp tục có nhiều khó khăn với nền kinh tế Việt Nam, với cộng đồng doanh nghiệp trong đó có Công ty. Vì vậy mục tiêu hướng hoạt động của Công ty vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

❖ Tiếp tục hoàn thiện và củng cố cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý:

- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch dài hạn, Công ty sẽ tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các công cụ quản lý như: hệ thống các Quy chế, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý... Các quy chế như: Quy chế về hoạt động sáng kiến, Quy chế phân phối tiền lương, Quy chế đào tạo nguồn nhân lực... sẽ tiếp tục được cập nhật hoàn thiện hơn. Việc cung cấp thông tin cho công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời, minh bạch cũng sẽ là một nhiệm vụ trọng tâm mà Công ty hướng tới.

❖ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Năm 2012, Công ty định hướng đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng lao động, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý mới. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ cũng sẽ được tiếp tục đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ - nhân tố then chốt đáp ứng nhu cầu phát triển.

❖ Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh phát triển đa dạng hoá sản phẩm giữ vững thị trường xuất khẩu, an toàn vệ sinh thực phẩm

- Sản xuất mặt hàng tôm thẻ chân trắng chiếm khoảng 30% kế hoạch kinh doanh 2012.





- Tăng cường kiểm tra dư lượng kháng sinh từ nguồn nguyên liệu mua vào đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn xuất khẩu và khôi phục lại doanh số tại thị trường Nhật.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác bán hàng, chăm sóc khách hàng để giữ vững thị trường truyền thống (Nhật, Mỹ, Eu). Bên cạnh đó mở rộng thêm một số thị trường mới. Dự kiến kế hoạch 2012 với cơ cấu thị trường : Nhật chiếm: 27%, EU: 24%, Mỹ và Canada: 30%, thị trường khác như Singapore, Hàn Quốc, NewZealand, Australia, Trung đông: 19%, . Nghiên cứu và đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

❖ **Chú trọng công tác quản trị:**

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT cho năm 2012 nhằm nâng cao năng lực quản lý thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ 2012.

❖ **Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông:**

- Trong năm 2012, Công ty sẽ cố gắng tham gia tích cực và chủ động vào các chương trình nâng cao vị thế của Công ty trong cộng đồng, tăng cường quảng bá hình ảnh và nâng cao giá trị thương hiệu Cuulong Seapro trong cũng như ngoài nước, tiếp tục khẳng định và giữ vững vị thế công ty trong ngành.

- Mọi quan hệ với cổ đông và công chúng đầu tư nói chung thông qua việc công bố thông tin, tiếp xúc trực tiếp... cũng sẽ được Công ty tiếp tục quan tâm đẩy mạnh trong năm 2012.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

BÁO CÁO CÔNG TY MẸ			
CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2011	31/12/2010
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1.14	1.34
Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1.43	1.81
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4.79%	7.68%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2.01%	2.40%
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu.	%	15.88%	17.07%





BÁO CÁO HỢP NHẤT:			
CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2011	31/12/2010
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1.12	1.21
Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1.34	1.58
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3.87%	7.53%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.74%	2.51%
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	15.22%	20.39%

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

- Cổ tức 2010 12.000.000.000

Cộng 12.000.000.000

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành 8.000.000

- Cổ phiếu phổ thông 8.000.000

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông 8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tóm tắt kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011

Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	So sánh (%)	
			2011/2010	TH/KH
Doanh thu thuần	1,152,968,984,306	982,113,044,678	117.40%	97.33%





LN trước thuế	24,618,814,055	26,166,879,254	94.08%	75.98%
Lợi nhuận sau thuế	23,183,145,283	23,545,146,332	98.46%	89.44%

Báo cáo hợp nhất:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Thực hiện 2010	So sánh (%)	
			2011/2010	TH/KH
Doanh thu thuần	1,349,923,907,082	1,203,615,108,862	112.16%	93.29%
LN trước thuế	25,724,555,660	34,079,478,322	75.48%	64.34%
Lợi nhuận sau thuế	23,484,877,289	30,211,766,094	77.73%	71.72%

Một số tồn tại và nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động của Công ty thời gian qua vẫn còn một số tồn tại nhất định đã làm ảnh hưởng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan như sau:

- Do khủng hoảng tài chính và nợ công, rào cản kỹ thuật về hàng rào thuế quan do các nước nhập khẩu qui định như các chỉ tiêu kiểm tra dư lượng kháng sinh, hóa chất, thuế chống phá giá khiến cho sức tiêu thụ mặt hàng tôm đông lạnh bị sụt giảm, đồng thời tỷ giá usd và đồng việt nam ngày càng xuống thấp không thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu.

- Mùa vụ tôm sú 2011 tập trung trong thời gian ngắn, chỉ tập trung khoảng 03 tháng chưa chuẩn bị kịp thời sản xuất mặt hàng tôm thẻ chân trắng thay thế cho tôm sú vào lúc trái vụ.

- Các hợp đồng được ký kết của thị trường EU chủ yếu các size nhỏ có giá trị thấp.

- Thị trường Nhật kiểm tra 100% các chỉ tiêu an toàn về kháng sinh (như Triluralin, Enprofloxacin...) . Năm 2011 kim ngạch xuất khẩu của thị trường Nhật đạt 8.846.000 usd giảm 41% so với 2010 (14.870.000 usd) đã làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

- Lãi suất ngân hàng tăng cáo đặc biệt vào thời điểm cuối quý 2/2011 lãi suất lên đến 18-24%/ năm. Bên cạnh đó nhiên liệu, vật tư bao bì, điện nước cũng tăng mạnh làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của đơn vị.

- Chất lượng công tác tiếp thị và bán hàng chăm sóc khách hàng còn hạn chế chưa đạt như mong muốn.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

3.1/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,

- Công ty đã xây dựng được cơ cấu tổ chức đi vào hoạt động ổn định phát huy được chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng ban chức năng.





Các cán bộ chủ chốt được đào tạo các khóa học ngắn hạn nâng cao kiến thức nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội.

3.2/ Những chính sách nổi bật

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế theo qui định của nhà nước và chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách theo qui định của pháp luật.

IV. Các công ty có liên quan

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn:

Công ty con:

- Công ty CP Đông Lạnh Thủy sản Long Toàn
- Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Vốn điều lệ: 11 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nắm giữ: 90,65% tương đương 997.200 cổ phần.
- Ngành nghề SX kinh doanh chủ yếu là chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu.

Kết quả hoạt động kinh doanh

- Doanh thu thuần : 214.566.872.031 đồng,
- Lợi nhuận trước thuế : 4.211.420.519 đồng,
- Lợi nhuận sau thuế : 3.984.884.840 đồng,

Công ty TNHH MTV Mỹ Long Nam

- Địa chỉ: Ấp 5, Xã Mỹ Long Nam, Huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Vốn điều lệ: 2 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nắm giữ: 100% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là Thu mua các mặt hàng thủy hải sản.

Kết quả hoạt động kinh doanh (từ 07/04/2011 đến 31/12/2011).

- Doanh thu thuần : 847.205.054.243 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 569.511.651 đồng
- Thuế TNDN : 205.068.319 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 364.431.629 đồng

Công ty liên kết: Công ty CP Thủy sản Sao Biển

- Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nắm giữ: 35% vốn điều lệ, tương đương 10.500.000.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là chế biến chả cá surimi.

Kết quả hoạt động kinh doanh

- Doanh thu thuần : 116.022.244.845 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 6.001.474.124 đồng
- Thuế TNDN phải nộp : 543.347.366 đồng





- Lợi nhuận sau thuế : 5.458.126.758 đồng

Khoản đầu tư dài hạn: Hợp tác xã thắng lợi :Vốn góp: 296.600.000 đồng. Trong năm 2011, lợi nhuận được chia từ HTX Thắng Lợi với tỉ lệ là 80% tương đương số tiền là 237.280.000 đồng.

V. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Cửu Long tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức của Cửu Long hiện tại gồm:

❖ Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 36 đường Bạch Đằng, phường 4, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại : (074) 3852321 - 3852236 - 3852465
- Fax : (074) 3852078
- Email : ctythuysancuulong@hcm.vnn.vn
- Website : www.cuulongseapro.vn

❖ Văn phòng liên lạc:

- Địa chỉ : 7A Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (08) 38 269 680 Fax: (08) 39 400 394
- Email : cuulongseapro@hcm.fpt.vn

❖ Công ty con: Công ty Cổ phần Đông lạnh Thủy sản Long Toàn

- Trụ sở : Khóm 2, Thị trấn Duyên Hải, Huyện Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh
- Ngành nghề: Chế biến và xuất khẩu thủy sản
- Vốn điều lệ : 11 tỷ đồng
- Công ty mẹ nắm giữ: 90,2%

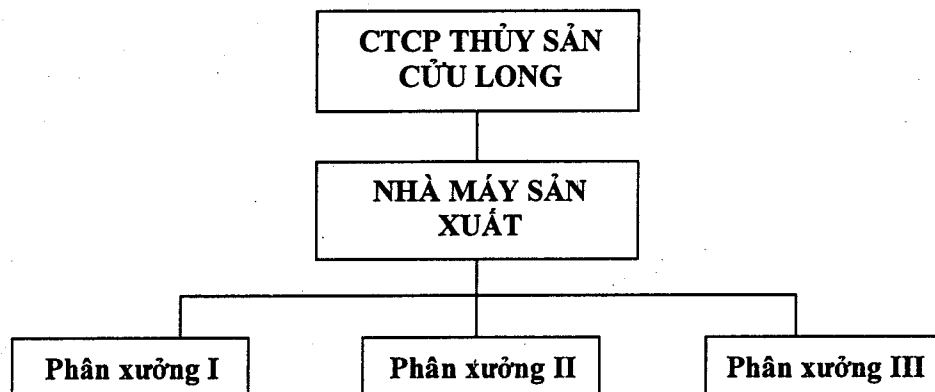
❖ Hiện nay, Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long có 03 xưởng sản xuất:

- Phân xưởng I: Công suất 4.000 tấn sản phẩm/năm.
- Phân xưởng II: Công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm.



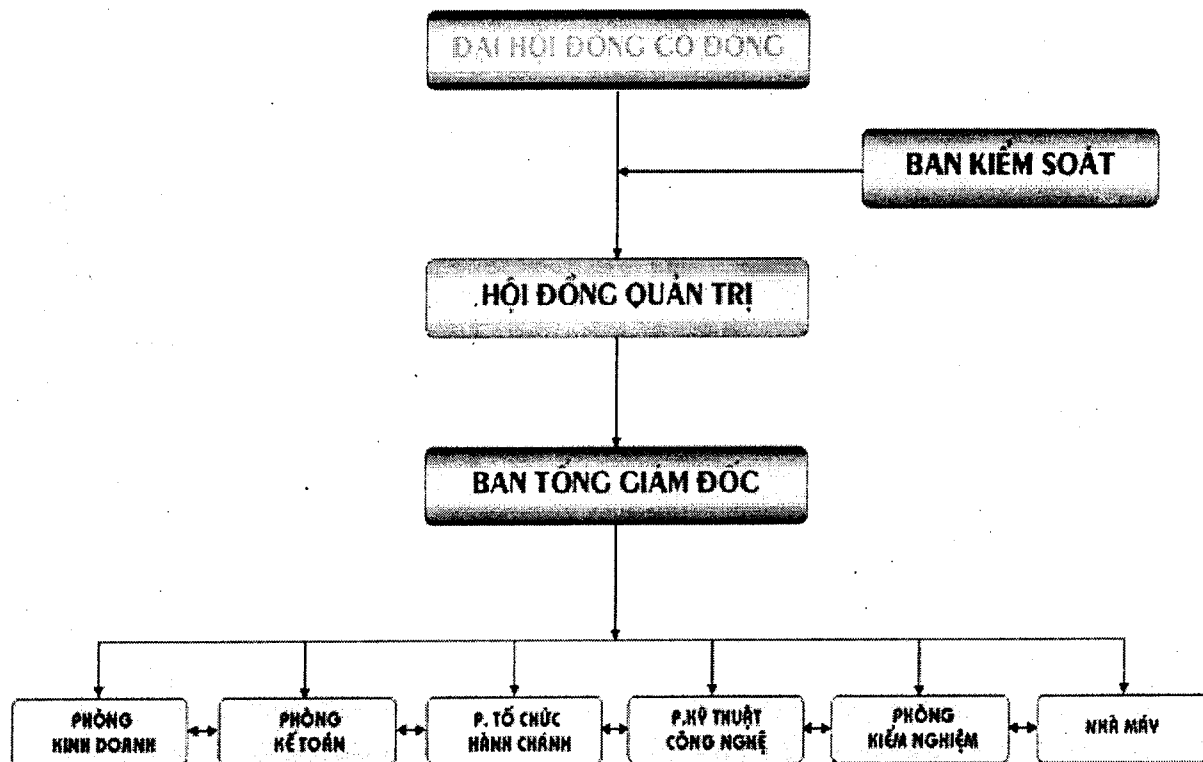


- Phân xưởng III: Công suất 4.000 tấn sản phẩm/năm.
- Tổng công suất toàn Công ty là 10.000 tấn sản phẩm/năm.



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG



Ghi chú:
 → : Quan hệ chỉ đạo
 ↔ : Quan hệ phối hợp





Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN BANG**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **15/07/1960**
- Nơi sinh: **Xã Hiệp Mỹ, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh**
- Số CMND: **334516921 do CA Trà Vinh cấp ngày 26/01/2010**
- Quê quán: **Xã Hiệp Mỹ, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh**
- Địa chỉ thường trú: **Số 1B, Tô Thị Huỳnh, Khóm 1, Phường 1, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh**
- Trình độ văn hóa: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học Khai thác Thủy sản**

Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **TRẦN THANH LỄ**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **07/08/1964**
- Nơi sinh: **Trà Vinh**
- Số CMND: **334528429 do CA Trà Vinh cấp ngày 19/09/2005**
- Quê quán: **Xã Hiệp Hòa, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh.**
- Địa chỉ thường trú: **Số B3/44 khu 3A Phạm Ngũ Lão, K3, Phường 1, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.**
- Chỗ ở hiện nay: **Số B3/44 khu 3A Phạm Ngũ Lão, K3, Phường 1, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh**
- Trình độ văn hóa: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học Công nghệ Thực phẩm**

Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **DIỆP CÔNG PHƯỚC**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày tháng năm sinh: **18/04/1958**
- Số CMND: **334611477 do CA Trà Vinh cấp ngày 13/11/2006**
- Quê quán: **Nha Trang, Khánh Hòa**
- Địa chỉ thường trú: **Số 24A Nguyễn Thị Minh Khai, K10, Phường 7, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh**
- Trình độ văn hóa: **12/12**





➤ Trình độ chuyên môn: Đại học Chế biến Thủy sản

Phó Tổng giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Họ và tên: **LÊ THANH BÌNH**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1958
- Nơi sinh: Xã Thanh Mỹ, Châu Thành, Trà Vinh
- Số CMND: 334516924 do CA Trà Vinh cấp ngày 07/07/2005
- Quê quán: Xã Thanh Mỹ, Châu Thành, Trà Vinh.
- Địa chỉ thường trú: Số 15 Võ Thị Sáu, Phường 3, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp tài chính kế toán
 - Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: không
 - Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ CNV là 1.283 người.

+ Các chính sách đối với người lao động

- Người lao động làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long đều có hợp đồng lao động theo đúng quy định của Luật Lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.
- Cửu Long thực hiện chế độ làm việc 06 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Bộ phận văn phòng và bộ phận sửa chữa làm việc theo giờ hành chính. Riêng bộ phận vận hành máy làm việc 3 ca/ngày, mỗi ca 8 tiếng. Bộ phận bảo vệ và IQF trực ca không quá 12 giờ/ngày.
- Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động. Trường hợp tôm nguyên liệu nhiều cần giải phóng kho bãi, tránh ú đọng, Ban lãnh đạo có thể thỏa thuận với Chủ tịch Công đoàn sắp xếp cho người lao động tiếp tục làm việc và bố trí nghỉ bù vào ngày khác.
- Công ty thực hiện những chế độ phúc lợi như: nghỉ lễ, Tết, nghỉ thai sản, hậu sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng quy định Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty còn giải quyết tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ dài hơn nếu có nhu cầu.
- Thay đổi Ban Tổng Giám đốc: Trong năm 2011 bổ nhiệm chức danh phó tổng giám đốc phụ trách tài chính kiêm kế toán trưởng công ty.





VI. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Thông tin liên quan đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a. Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên: 5 người.

Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Nguyễn Văn Bang	Chủ tịch	2010 – 2015	
2. Trần Thanh Lễ	Phó Chủ tịch	2010 – 2015	
3. Diệp Công Phước	Thành viên	2010 – 2015	
4. Lê Thanh Bình	Thành viên	2010 – 2015	
5. Trương Thanh Tân	Thành viên	2010 – 2015	Thành viên độc lập

2. Hoạt động của HĐQT

- Năm 2011, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 07 cuộc họp định kỳ theo yêu cầu nhiệm vụ SXKD và đầu tư, và bên cạnh đó tổ chức các cuộc họp bất thường để giải quyết các vấn đề khi cần thiết để phục vụ công tác Quản trị và SXKD của Công ty.
- Các văn bản do HĐQT được ban hành kịp thời và dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, kiểm tra Ban điều hành về việc thực hiện các văn bản của Hội đồng quản trị. Do vậy, mọi văn bản của Hội đồng quản trị công ty đều được Ban điều hành thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cao.
- Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị còn được thông qua công tác kiểm toán định kỳ hàng năm.
- Các cuộc họp của HĐQT liên quan đến các vấn đề quan trọng như tổ chức Đại hội cổ đông, thành lập các dự án đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM đều mời Ban kiểm soát Công ty tham dự.
- Trong năm 2011 HĐQT Công ty đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác : HĐQT Công ty thường xuyên đánh giá tình hình hoạt động, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ - Tổ chức hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, từ đó có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

Thực hiện nhiệm vụ định hướng hoạt động của Công ty, thực hiện giám sát và chỉ đạo, định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp để xem xét giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty. Qua các cuộc họp Hội đồng quản trị đã có những





quyết định hoặc định hướng nhằm giúp Ban điều hành Công ty có cơ sở thực hiện nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Đối với những vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã kịp thời xin ý kiến cổ đông để có những quyết sách cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Thành viên HĐQT độc lập không điều hành hoạt động theo điều lệ, quy chế HĐQT và quy chế quản trị của Công ty.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên: 3 người.

Nhiệm kỳ: 5 năm.

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Hồ Thị Á	Trưởng ban	2010 – 2015	
2. Nguyễn Thị Liễu Tuyền	Thành viên	2010 – 2015	
3. Nguyễn Thị Hồng Nhanh	Thành viên	2010 – 2015	

3.1/ Đặc điểm – tổ chức

- Năm 2011 Ban kiểm soát có 03 thành viên được ổn định từ đầu năm đến cuối năm. Để thực hiện nhiệm vụ theo quy định trong điều lệ, Ban kiểm soát phân công từng thành viên trong Ban cụ thể như sau:
- Một thành viên trực tiếp kiểm soát tài chính kế toán doanh nghiệp; một thành viên trực tiếp kiểm soát khâu tổ chức sản xuất và một thành viên phụ trách chung đi sâu kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Ban kiểm soát đã đề ra quy chế hoạt động và trong quá trình hoạt động các thành viên theo chức năng nhiệm vụ được phân công luôn bám sát quy chế và điều lệ để thực thi nhiệm vụ.

3.2/ Mục tiêu và phạm vi kiểm soát:

a/ Kiểm soát chiến lược:

- Ban kiểm soát theo chức năng nhiệm vụ kiểm tra kiểm soát: việc lập kế hoạch kinh doanh trung - dài hạn; thực hiện các dự án đầu tư; sử dụng các tài sản có giá trị lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã được Đại hội cổ đông và HĐQT thông qua.
- Công tác quản lý, nâng cao hiệu quả trong kinh doanh
- Đầu tư chiều sâu, đầu tư mở rộng nâng cao năng xuất chất lượng;
- Phát triển nguồn nhân lực;





b/ Kiểm soát hoạt động:

- Việc kiểm tra, kiểm soát đã được các thành viên Ban kiểm soát trực tiếp thực hiện thường xuyên và tùy thuộc vào nội dung cụ thể Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm soát qua hình thức gián tiếp thông qua các báo cáo định kỳ của ban điều hành cũng như những trao đổi với đơn vị kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, tính hợp lý của các số liệu kế toán; kiểm soát việc tuân thủ các quy định về quản lý các khoản đầu tư tài chính.
- Kiểm soát quá trình thực hiện Điều lệ hoạt động của công ty; củng cố năng lực dự phòng và quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quản lý tài sản, lao động, tổ chức sản xuất, quản lý đầu tư;
- Thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng;

c/ Kiểm soát tài chính:

- Kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, tính hợp lý của các số liệu kế toán, phối hợp với kiểm toán viên độc lập xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu đến báo cáo tài chính;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về quản lý các khoản đầu tư tài chính;
- Kiểm soát việc quản lý và sử dụng vốn trong sản xuất, kinh doanh;
- Kiểm soát các khoản chi phí trong sản xuất, kinh doanh;

Qua kiểm soát đánh giá: Báo cáo tài chính năm của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cân đối kế toán của đơn vị cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

3.3/ Phương pháp kiểm soát

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc xây dựng kế hoạch chiến lược trung - dài hạn cũng như việc thực hiện các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc kiểm tra, kiểm soát đã được các thành viên Ban kiểm soát trực tiếp thực hiện hoặc thông qua những cuộc phỏng vấn các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc; gián tiếp thực hiện thông qua các báo cáo định kỳ của Ban điều hành cũng như những trao đổi với đơn vị kiểm toán độc lập.

4/ Thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2011 đã được ĐHCĐ thường niên 2010 thông qua như sau:





Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận
1. Nguyễn Văn Bang	Chủ tịch	8.000.000 đồng/tháng
2. Trần Thanh Lễ	Phó Chủ tịch	6.500.000 đồng/tháng
3. Diệp Công Phước	Thành viên	5.000.000 đồng/tháng
4. Lê Thanh Bình	Thành viên	5.000.000 đồng/tháng
5. Trương Thanh Tân	Thành viên	5.000.000 đồng/tháng

Tổng mức thù lao của HĐQT trong năm 2011 là : 354.000.000 đồng

Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được nhận
1. Hồ Thị Á	Trưởng ban	4.000.000 đồng/tháng
2. Nguyễn Thị Liễu Tuyền	Thành viên	2.000.000 đồng/tháng
3. Nguyễn Thị Hồng Nhanh	Thành viên	2.000.000 đồng/tháng

Tổng mức thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2011 là : 96.000.000 đồng

5. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

5.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước..

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND/ĐK KD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Số 15A Trần Khánh Dư Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	101992921	2.617.451	32,72%
2	Quỹ đầu tư Việt Nam (VIF)	Tầng 10, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội	03/UBCK- TLQTV	1.575.000	19,69%



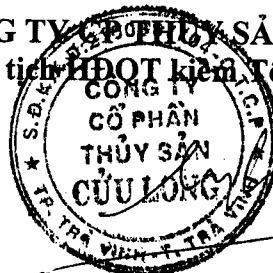


4.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

Bảng: Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND/ĐKKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Bang đại diện Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).	Số 15A Trần Khánh Dư Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	101992921	2.617.451	32,72 %
	Nguyễn Văn Bang (cá nhân)	01B Tô Thị Huỳnh K1 F1 Tp. TV	334516921	100.000	1,25%
2	Trần Thanh Lễ	B3/44 Khu 3A Đường Phạm Ngũ Lão K3 P1 Tp. Trà Vinh	334528429	80.000	1,00%
3	Lê Thanh Bình	Số 15 Võ Thị Sáu, P3 Tp. Trà Vinh	334516924	71.000	0,89%
4	Diệp Công Phước	24 K7 P7 Nguyễn Thị Minh Khai-Tp. Trà Vinh	334611477	13.300	0,17%

CÔNG TY THỦY SẢN CỬU LONG
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc



NGUYỄN VĂN BANG